

PHÂN TÍCH KHOẢNG TRỐNG THỤ HƯỞNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CẤP THÔN, BẢN: ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT HẠNH PHÚC VÀ TIẾP CẬN PHÚC LỢI CHỦ QUAN

Nguyễn Ngọc Luân^{1, *}, Hồ Văn Bắc², Hà Quang Trung²

¹Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường

²Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

*Email: luan.nguyen@cap.gov.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích các khoảng trống thụ hưởng trong xây dựng nông thôn mới ở cấp thôn, bản từ góc nhìn phúc lợi chủ quan và hạnh phúc của người dân, nhằm bổ sung cho cách tiếp cận truyền thống dựa trên hệ thống tiêu chí định lượng. Trên cơ sở lý thuyết phúc lợi chủ quan, nghiên cứu sử dụng mô hình đo lường hạnh phúc được nội địa hóa cho bối cảnh Việt Nam với ba nhóm chỉ báo: (i) điều kiện kinh tế - vật chất, (ii) quan hệ gia đình - xã hội, và (iii) đời sống cá nhân. Dữ liệu được thu thập từ 405 hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Phương pháp phân tích Quan trọng - Hồi lỏng được áp dụng nhằm nhận diện các yếu tố được người dân coi trọng nhất và các “khoảng trống thụ hưởng” trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Kết quả cho thấy các khoảng trống lớn tập trung vào nhóm kinh tế - vật chất (công việc, nhà ở, hạ tầng) và nhóm đời sống cá nhân (sức khỏe, năng lực, thời gian), trong khi các yếu tố gia đình - xã hội nhìn chung được đánh giá ổn định và hài lòng cao. Nghiên cứu hàm ý rằng, xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản cần các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng sống trực tiếp cho người dân, lấy sự hài lòng và hạnh phúc của người dân làm thước đo then chốt cho sự phát triển thực chất và bền vững.

Từ khoá: Chỉ số hạnh phúc, khoảng trống thụ hưởng, nông thôn mới, phúc lợi chủ quan; thôn, bản.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) là một chương trình tổng thể về phát triển nông thôn, được triển khai trên cả nước từ năm 2010, với cấp xã là đơn vị cơ sở để tổ chức thực hiện theo 19 tiêu chí xã NTM [1]. Từ giai đoạn 2021 - 2030, để thúc đẩy chương trình đi vào chiều sâu, gắn liền với đời sống của cộng đồng dân cư, Đảng và Nhà nước đã chủ trương bổ sung nhiệm vụ xây dựng NTM, cấp thôn, bản nhằm “đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về nếp sống tới từng thôn, bản, ấp, hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân sinh sống ở nông thôn” [2].

Sau 15 năm triển khai (2010 - 2025), bên cạnh những thành tựu quan trọng, kết quả xây dựng NTM giữa các vùng vẫn có sự chênh lệch đáng kể [3]. Thực tế cho thấy, tại một số địa phương, việc hoàn thành các tiêu chí chưa đi đôi với tính bền vững về mặt xã hội và môi trường;

trong khi đó, nhiều thôn, bản thuộc địa bàn khó khăn, dù chưa đạt chuẩn NTM nhưng người dân vẫn thể hiện sự hài lòng và hạnh phúc với cuộc sống [4, 5]. Điều này gợi ý rằng, xây dựng NTM không chỉ là quá trình phấn đấu thực hiện các tiêu chí, mà còn liên quan mật thiết đến cảm nhận sống, sự hài lòng và hạnh phúc của người dân.

Trong bối cảnh đó, hạnh phúc và phúc lợi chủ quan của người dân có thể được xem như một góc nhìn bổ sung, giúp đánh giá đầy đủ hơn mức độ người dân thực sự thụ hưởng những thành quả của quá trình xây dựng NTM. Cách tiếp cận này không xem hạnh phúc là hệ quả trực tiếp của xây dựng NTM, mà coi đó như một chỉ báo thể hiện chất lượng sống thông qua cảm nhận của người dân.

Đặc biệt, ở không gian thôn, bản - nơi các mối quan hệ cộng đồng có sự gắn kết chặt chẽ và cũng là nơi người dân cảm nhận rõ nhất những tác động từ quá trình xây dựng NTM - việc đánh giá kết quả phát triển trên thực tế vẫn nghiêng về

các chỉ tiêu dễ lượng hoá như hạ tầng, thu nhập, hộ nghèo, trong khi những khía cạnh mang tính chủ quan như sự hài lòng, hạnh phúc hay năng lực tự quản của cộng đồng chưa được phản ánh đầy đủ [6, 7]. Thôn, bản không phải là một đơn vị hành chính mà là đơn vị tự quản. Vì vậy, các thước đo thể hiện mức độ hài lòng và hạnh phúc chủ quan có ý nghĩa quan trọng và phản ánh rõ hơn vai trò chủ thể của người dân theo tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” [8].

Mặc dù vậy, trong khi xây dựng NTM ở cấp xã hay kết quả thực hiện Bộ tiêu chí NTM đã được nghiên cứu và tổng kết trong nhiều tài liệu, thì cấp thôn, bản vẫn còn nhiều khoảng trống nghiên cứu [2]. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xây dựng NTM ở phạm vi cộng đồng thôn, bản thường được xem xét một cách đơn lẻ, chưa có sự phân tích một cách hệ thống, cũng như chưa được gắn kết đầy đủ với cảm nhận cuộc sống và mức độ hài lòng của người dân [9].

Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu này nhằm phân tích các khoảng trống thụ hưởng trong xây dựng NTM cấp thôn, bản từ góc nhìn phúc lợi chủ quan của người dân. Chỉ số đo lường mức độ hạnh phúc của người dân được sử dụng như một lăng kính phân tích nhằm nhận diện các khoảng trống thụ hưởng giữa mức độ quan trọng và mức độ hài lòng đối với các khía cạnh đời sống. Kết quả nghiên cứu sẽ bổ sung thêm các bằng chứng thực nghiệm, góp phần làm rõ và hoàn thiện cách tiếp cận xây dựng NTM theo hướng thực chất, bền vững ở phạm vi cộng đồng thôn, bản.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp tiếp cận

2.1.1. Lý thuyết phúc lợi chủ quan và đo lường hạnh phúc

Lý thuyết phúc lợi chủ quan (Subjective Well-being - SWB), được khởi xướng bởi Diener (1984) [10], xem hạnh phúc là sự đánh giá tổng thể của cá nhân về chất lượng cuộc sống của chính mình, dựa trên những tiêu chí mà họ coi là quan trọng. Một điểm then chốt của lý thuyết này là các điều kiện vật chất khách quan không tự động quyết định mức độ hạnh phúc cá nhân. Cảm nhận hạnh phúc còn chịu tác động từ

các yếu tố như quan hệ gia đình - xã hội, cảm giác an toàn, sự tin tưởng vào tương lai, và mức độ tự chủ trong cuộc sống. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh xây dựng NTM ở cấp thôn, bản, nơi các yếu tố cộng đồng và đời sống tinh thần có ý nghĩa quan trọng bên cạnh các điều kiện vật chất.

2.1.2. Hạnh phúc trong bối cảnh xây dựng NTM

Trong xu hướng phát triển hiện đại, nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã coi hạnh phúc và chất lượng sống là thước đo quan trọng bên cạnh tăng trưởng kinh tế [11]. Điểm chung của các tiếp cận này là đặt con người ở vị trí trung tâm, coi mục tiêu cuối cùng của phát triển là nâng cao chất lượng sống và hạnh phúc của người dân. Đặt trong bối cảnh xây dựng NTM, việc sử dụng chỉ số hạnh phúc của người dân như một thước đo bổ sung có ý nghĩa quan trọng. Thứ nhất, nó giúp kiểm chứng tính “thực chất” của kết quả xây dựng NTM: Tiêu chí có thể hoàn thành về mặt kỹ thuật, nhưng cảm nhận của người dân mới cho thấy mức độ thụ hưởng thật sự. Thứ hai, nó cung cấp cơ sở để điều chỉnh cách thức triển khai: Thay vì chỉ “chạy theo tiêu chí”, cần quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố tạo nên hạnh phúc và sự hài lòng của người dân.

2.1.3. Cách tiếp cận đo lường hạnh phúc trong bối cảnh Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam, việc sử dụng nguyên mẫu các thang đo quốc tế về chỉ số hạnh phúc có thể gặp hạn chế do khác biệt về văn hóa, hệ giá trị và cách biểu đạt cảm xúc. Vì vậy, nghiên cứu cần một cách tiếp cận vừa kế thừa lý thuyết phúc lợi chủ quan, vừa phù hợp với bối cảnh trong nước. Mô hình đo lường hạnh phúc của người Việt Nam do Lê Ngọc Văn (2019) [12] đề xuất là một trong những nỗ lực quan trọng theo hướng này, với ba nhóm chỉ báo đo lường hạnh phúc: (i) điều kiện kinh tế - vật chất; (ii) quan hệ gia đình - xã hội; (iii) đời sống cá nhân. Kế thừa cách tiếp cận này, nghiên cứu vận dụng và điều chỉnh ở mức độ phù hợp để đánh giá mức độ hạnh phúc của người dân nông thôn tại địa bàn nghiên cứu. Theo đó, mỗi nhóm chỉ báo được thiết kế gồm 8 chỉ báo thực nghiệm cụ thể (Bảng 1).

Bảng 1. Các chỉ báo hạnh phúc và mô tả minh họa

Nhóm chỉ báo	Chỉ báo thực nghiệm	Mô tả minh họa*
1. Nhóm chỉ báo về điều kiện kinh tế - vật chất	1.1. Ăn uống	Đầy đủ, đa dạng, an toàn, dinh dưỡng
	1.2. Mặc	Đầy đủ, phù hợp, đáp ứng nhu cầu
	1.3. Nhà ở	Kiên cố, thoáng mát, đáp ứng nhu cầu
	1.4. Tài sản	Có đủ trang thiết bị, tiện nghi sinh hoạt
	1.5. Công việc	Có thu nhập ổn định và phù hợp
	1.6. Hạ tầng	Giao thông, trường học, y tế...
	1.7. Dịch vụ công	Điện, nước, hành chính...
	1.8. Môi trường sống	Trong lành, thoải mái
2. Nhóm chỉ báo về quan hệ gia đình - xã hội	2.1. Gia đình	Hoà thuận, gắn kết, chia sẻ
	2.2. Con cháu	Chăm ngoan, học hành/công việc ổn định
	2.3. Họ hàng	Gắn bó, tương trợ
	2.4. Láng giềng	Đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau
	2.5. Bạn bè	Chân thành, tin cậy, bền vững
	2.6. Công việc	Tôn trọng, hợp tác, tin cậy
	2.7. Địa vị xã hội	Được coi trọng
	2.8. An ninh, an toàn	Bảo đảm, không lo ngại
3. Nhóm chỉ báo về đời sống cá nhân	3.1. Sức khỏe	Thê chất, trí tuệ
	3.2. Năng lực	Khả năng hoàn thành công việc phù hợp
	3.3. Thời gian	Cân bằng công việc, nghỉ ngơi, giải trí
	3.4. Niềm tin	Vào con người, xã hội và tương lai
	3.5. Tinh thần	Đời sống phong phú, an yên, có ý nghĩa
	3.6. Thành công	Đạt mục tiêu cá nhân
	3.7. Mục tiêu	Luôn có mục tiêu, kế hoạch
	3.8. Thích ứng	Linh hoạt, vượt qua khó khăn

Nguồn: Kế thừa và điều chỉnh từ Lê Ngọc Văn (2019) [12], phù hợp với bối cảnh khảo sát tại tỉnh Thái Nguyên (2025).

Ghi chú: Các mô tả minh họa nhằm hỗ trợ người trả lời hình dung nội dung cảm nhận thực tế của từng chỉ báo, không phải định nghĩa khái niệm chính thức.

Đối với từng chỉ báo, người dân đánh giá mức độ hài lòng theo thang đo Likert 5 mức độ (từ 1 - rất không hài lòng đến 5 - rất hài lòng); đồng thời, trong mỗi nhóm, họ lựa chọn 5 chỉ báo mà bản thân cho là quan trọng nhất đối với hạnh phúc của mình. Cách làm này cho phép đo lường đồng thời hai chiều cạnh cốt lõi của phúc lợi chủ quan: Mức độ quan trọng (phản ánh nhu cầu và ưu tiên của người dân) và mức độ hài lòng (phản ánh mức độ đáp ứng thực tế).

2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phân tích được thực hiện theo logic Quan trọng (Importance) - Hài lòng (Satisfaction), kế thừa từ cách tiếp cận Importance - Performance Analysis (IPA) được đề xuất bởi Martilla và James (1977) [13] và điều chỉnh phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Thay vì sử dụng mức độ thực hiện (Performance), nghiên cứu sử dụng mức độ hài lòng (Satisfaction) nhằm phản ánh tốt hơn cảm nhận thụ hưởng và phúc lợi chủ quan của người dân trong quá trình xây dựng NTM.

Theo cách tiếp cận này, các “khoảng trống thụ hưởng” được xác định dựa trên sự chênh lệch giữa mức độ quan trọng (Importance) và mức độ hài lòng (Satisfaction) đối với từng khía cạnh đời sống. Những lĩnh vực được người dân coi trọng nhưng mức độ hài lòng còn thấp sẽ tạo ra khoảng trống lớn, hàm ý các lĩnh vực cần được quan tâm ưu tiên trong hoạch định và triển khai chính sách. Cách tiếp cận này không nhằm xác định mối quan hệ nhân quả thống kê, mà tập trung vào cảm nhận chủ quan của người dân về mức độ quan trọng và sự thỏa mãn đối với các khía cạnh của cuộc sống.

Mức độ quan trọng (I_i) của từng chỉ báo được xác định thông qua tỷ lệ người dân lựa chọn chỉ báo đó là quan trọng nhất trong nhóm (%). Mức độ hài lòng (S_i) được đo lường bằng điểm trung bình của từng chỉ báo trên thang Likert 5 mức độ (từ 1 - rất không hài lòng đến 5 - rất hài lòng).

Do I_i và S_i được đo lường trên hai thang đo khác nhau, nghiên cứu tiến hành chuẩn hoá về chung miền giá trị [0 - 1]:

- Chuẩn hoá mức độ quan trọng: $I_{\text{norm}} = I_i (\%) / 100$.

- Chuẩn hoá mức độ hài lòng: $S_{\text{norm}} = (S_i - S_{\text{min}}) / (S_{\text{max}} - S_{\text{min}}) = (S_i - 1) / 4$.

Khoảng trống thụ hưởng (GAP) được xác định bằng hiệu số giữa mức độ quan trọng chuẩn hóa (I_{norm}) và mức độ hài lòng chuẩn hóa (S_{norm}):

$$\text{GAP} = I_{\text{norm}} - S_{\text{norm}}$$

$\text{GAP} > 0$ phản ánh những khía cạnh được người dân coi trọng nhưng mức độ hài lòng còn thấp (có khoảng trống thụ hưởng); $\text{GAP} < 0$ cho thấy mức độ hài lòng cao hơn kỳ vọng; $\text{GAP} \approx 0$ cho thấy mức độ phù hợp tương đối giữa nhu cầu và mức độ đáp ứng.

Trên cơ sở giá trị GAP, nghiên cứu tiến hành phân loại khoảng trống thụ hưởng và hàm ý ưu tiên chính sách theo hướng:

- GAP lớn (I_{norm} cao, S_{norm} thấp): Hàm ý ưu tiên cao trong hoạch định chính sách.

- GAP vừa (I_{norm} cao, S_{norm} trung bình): Hàm ý cần được ưu tiên về chính sách.

- GAP nhỏ (I_{norm} và S_{norm} tương đương): Phản ánh mức độ đáp ứng ổn định.

- GAP âm (S_{norm} lớn hơn nhiều I_{norm}): Phản ánh mức độ đáp ứng vượt kỳ vọng.

Việc phân loại này mang tính tương đối và nhằm hỗ trợ diễn giải kết quả, không nhằm thiết lập các ngưỡng chuẩn cứng cho mọi bối cảnh. Cách tiếp cận này cho phép chuyển trọng tâm phân tích từ “mức độ đạt tiêu chí” sang “mức độ thụ hưởng thực tế”, qua đó làm rõ các lĩnh vực cần ưu tiên trong xây dựng NTM ở cấp thôn, bản.

2.3. Địa bàn nghiên cứu và chọn mẫu khảo sát

Tỉnh Thái Nguyên được lựa chọn làm địa bàn để thu thập dữ liệu trong nghiên cứu này. Thời điểm thu thập dữ liệu tiến hành trước khi địa phương thực hiện sắp xếp lại các đơn vị hành chính (sáp nhập tỉnh, xã và kết thúc vai trò cấp huyện từ ngày 01/7/2025). Dữ liệu sơ cấp 405 hộ gia đình được thu thập thông qua bảng hỏi cấu trúc từ 27 thôn thuộc 9 xã của 3 huyện: (1) huyện Phú Bình - đại diện vùng đồng bằng, ven đô, là huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; (2) huyện Đại Từ - đại diện vùng trung du, là huyện đạt chuẩn NTM; (3) huyện Võ Nhai - đại diện vùng dân tộc thiểu số và miền núi, là huyện chưa đạt chuẩn

NTM. Tại mỗi huyện, căn cứ kết quả xây dựng NTM của các xã, 3 xã được lựa chọn bảo đảm sự đa dạng về mức độ phát triển NTM. Cụ thể, tại huyện Phú Bình và Đại Từ, mỗi huyện lựa chọn 1 xã kiểu mẫu, 1 xã nâng cao và 1 xã đạt chuẩn; tại huyện Võ Nhai lựa chọn 1 xã đạt chuẩn và 2 xã chưa đạt chuẩn. Tại mỗi xã, 3 thôn được chọn theo nguyên tắc phản ánh sự khác biệt về điều kiện kinh tế và mức sống; tại mỗi thôn, khảo sát 15 hộ gia đình bảo đảm tính đại diện tương đối về điều kiện sống, sinh kế và đặc điểm xã hội của cộng đồng dân cư. Với tổng số 405 hộ được khảo sát, quy mô mẫu bảo đảm mức độ đại diện cần thiết để phản ánh tương đối đầy đủ sự khác biệt về cảm nhận thụ hưởng, mức độ hài lòng và các khoảng trống trong xây dựng NTM giữa các nhóm địa bàn nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Phân tích mức độ quan trọng, hài lòng và khoảng trống thụ hưởng

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng trung bình của người dân đối với các chỉ báo hạnh phúc đạt 3,84/5 điểm, phản ánh nhìn nhận tích cực về chất lượng cuộc sống hiện tại của cư dân nông thôn tại địa bàn nghiên cứu. Mức độ hài lòng khá cao ở nhiều chỉ báo (9/24 chỉ báo trên 4 điểm và không có chỉ báo nào dưới 3 điểm) gợi mở rằng, quá trình xây dựng NTM đã góp phần cải thiện điều kiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Những thành quả này không chỉ thể hiện ở mức độ hoàn thành các tiêu chí, mà còn phản ánh trong cảm nhận hạnh phúc và mức độ hài lòng thực tế của cư dân nông thôn. Tuy nhiên, giữa mức độ quan trọng (I) và mức độ hài lòng (S) vẫn tồn tại những khoảng trống đáng kể ở một số lĩnh vực.

3.1.1. Nhóm chỉ báo về điều kiện kinh tế - vật chất

Nhóm chỉ báo “điều kiện kinh tế - vật chất” cho thấy bức tranh rất rõ rệt về những khoảng trống thụ hưởng mà người dân đang cảm nhận.

Các chỉ báo có mức ưu tiên cao nhất là công việc, nhà ở và hạ tầng cơ bản, đều có GAP lớn (trên 0,38), phản ánh nhu cầu thiết yếu nhưng mức độ đáp ứng thực tế chưa tương xứng. Trong đó, công việc là yếu tố có GAP lớn nhất (0,43), cho thấy áp lực sinh kế và thu nhập vẫn là mối quan tâm hàng đầu của người dân nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

Bảng 2. Khoảng trống thụ hưởng trong nhóm “điều kiện kinh tế - vật chất”

Các chỉ báo	I (%)	S (mean)	I _{norm}	S _{norm}	GAP	Phân loại
1.1. Ăn uống	99,5	3,96	1,00	0,74	0,26	Ưu tiên
1.2. Mặc	10,1	3,70	0,10	0,68	-0,57	Vượt kỳ vọng
1.3. Nhà ở	98,5	3,40	0,99	0,60	0,39	Ưu tiên cao
1.4. Tài sản	28,4	3,23	0,28	0,56	-0,27	Vượt kỳ vọng
1.5. Công việc	98,5	3,21	0,99	0,55	0,43	Ưu tiên cao nhất
1.6. Hạ tầng	98,3	3,40	0,98	0,60	0,38	Ưu tiên cao
1.7. Dịch vụ công	31,9	3,91	0,32	0,73	-0,41	Vượt kỳ vọng
1.8. Môi trường sống	34,8	3,85	0,35	0,71	-0,36	Vượt kỳ vọng

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của tác giả (2025).

Ở chiều ngược lại, các chỉ báo như mặc, tài sản, dịch vụ công và môi trường sống có GAP âm tương đối lớn, được phân loại vào nhóm “đáp ứng vượt kỳ vọng”. Điều này không có nghĩa là các yếu tố này “không quan trọng”, mà phản ánh rằng người dân đánh giá mức hài lòng cao hơn mức họ coi trọng trong hệ thống ưu tiên hiện nay. Đây thường là những nhu cầu đã được đáp ứng ổn định, tạo ra cảm giác an tâm nhất định và không nằm trong nhóm vấn đề cấp thiết cần can thiệp ngay. Thực tế khảo sát cho thấy, nhiều hộ dân nhận định rằng điều kiện sinh hoạt, môi trường sống và tiếp cận dịch vụ cơ bản “đã tốt hơn nhiều so với trước”, trong khi áp lực về thu nhập và nhà ở vẫn là những yếu tố gây bất khoăn lớn hơn.

Nhìn tổng thể, nhóm “điều kiện kinh tế - vật chất” phản ánh rõ sự phân tầng trong cảm nhận của người dân: Những yếu tố liên quan trực tiếp đến sinh kế và điều kiện sống thiết yếu là những khoảng trống còn đáng kể; trong khi những khía cạnh mang tính cơ bản hoặc đã có cải thiện trong những năm gần đây lại được đánh giá ở mức hài lòng cao hơn kỳ vọng. Đây là cơ sở quan trọng để xác định trọng tâm ưu tiên chính sách ở cấp thôn, bản, xuất phát từ nhu cầu và cảm nhận thụ hưởng thực tế của người dân trong quá trình xây dựng NTM.

3.1.2. Nhóm chỉ báo về quan hệ gia đình - xã hội

Kết quả phân tích nhóm “quan hệ gia đình - xã hội” cho thấy đây là trụ cột tạo nền tảng ổn định mạnh mẽ trong cảm nhận hạnh phúc của người dân nông thôn.

Bảng 3. Khoảng trống thụ hưởng trong nhóm “quan hệ gia đình - xã hội”

Các chỉ báo	I (%)	S (mean)	I _{norm}	S _{norm}	GAP	Phân loại
2.1. Gia đình	100	4,30	1,00	0,83	0,17	Đáp ứng tốt
2.2. Con cháu	99	4,32	0,99	0,83	0,16	Đáp ứng tốt
2.3. Họ hàng	84	4,23	0,84	0,81	0,03	Đáp ứng tốt
2.4. Láng giềng	58,8	4,24	0,59	0,81	-0,22	Vượt kỳ vọng
2.5. Bạn bè	22,5	4,18	0,23	0,80	-0,57	Vượt kỳ vọng
2.6. Công việc	33,1	4,15	0,33	0,79	-0,46	Vượt kỳ vọng
2.7. Địa vị xã hội	4,9	3,71	0,05	0,68	-0,63	Vượt kỳ vọng
2.8. An ninh, an toàn	97,8	4,07	0,98	0,77	0,21	Ưu tiên

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của tác giả (2025)

Hai chỉ báo được coi trọng nhất - quan hệ gia đình và con cháu - đều có mức hài lòng rất cao (trên 4,3 điểm), tạo nên GAP nhỏ và được xếp vào nhóm đáp ứng tốt. Điều này phản ánh đặc trưng văn hoá gia đình gắn kết ở khu vực nông thôn, nơi sự ổn định tình cảm và hài hòa trong nội bộ gia đình là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với hạnh phúc cá nhân. Các chỉ báo như quan hệ họ hàng, láng giềng và bạn bè cũng có mức hài lòng cao, cho thấy mạng lưới xã hội truyền thống tại

các thôn, bản vẫn vận hành hiệu quả và đóng vai trò là điểm tựa tinh thần vững chắc.

Trong nhóm này, chỉ báo an ninh - an toàn xã hội là yếu tố nổi bật nhất về ưu tiên chính sách, với mức độ quan trọng gần tuyệt đối (97,8%) nhưng mức hài lòng thấp hơn tương đối so với các chỉ báo khác trong cùng nhóm. GAP đạt mức 0,21, phản ánh nhu cầu ngày càng tăng về an toàn trong bối cảnh nông thôn có sự giao thoa mạnh hơn giữa các luồng lao động, hoạt động kinh tế và

biến đổi xã hội. Người dân đặc biệt quan tâm đến sự ổn định, trật tự và cảm giác an toàn trong sinh hoạt hàng ngày, nhất là đối với nhóm hộ có người già và trẻ nhỏ.

Ngược lại, các chỉ báo như quan hệ bạn bè và vị thế xã hội, dù có mức hài lòng cao, lại được xếp vào nhóm đáp ứng vượt kỳ vọng do mức độ quan trọng thấp hơn. Điều này phản ánh rằng, người dân không đặt nặng mối quan hệ mở rộng hay địa vị xã hội trong cảm nhận hạnh phúc, mà ưu tiên sự hòa thuận trong gia đình và tính an toàn của môi trường sống.

Bảng 4. Khoảng trống thụ hưởng trong nhóm “đời sống cá nhân”

Các chỉ báo	I (%)	S (mean)	I _{norm}	S _{norm}	GAP	Phân loại
3.1. Sức khỏe	100	3,68	1,00	0,67	0,33	Ưu tiên cao
3.2. Năng lực	100	3,82	1,00	0,70	0,30	Ưu tiên cao
3.3. Thời gian	75,1	3,00	0,75	0,50	0,25	Ưu tiên
3.4. Niềm tin	25,2	4,28	0,25	0,82	-0,57	Vượt kỳ vọng
3.5. Tinh thần	99,8	4,04	1,00	0,76	0,24	Ưu tiên
3.6. Thành công	17	3,63	0,17	0,66	-0,49	Vượt kỳ vọng
3.7. Mục tiêu	8,6	3,96	0,09	0,74	-0,65	Vượt kỳ vọng
3.8. Thích ứng	74,3	3,87	0,74	0,72	0,02	Đáp ứng tốt

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của tác giả (2025).

Các chỉ báo có mức độ quan trọng tuyệt đối như sức khỏe và năng lực bản thân đều có GAP lớn (từ 0,30 - 0,33), và được xếp vào nhóm ưu tiên cao. Điều này phản ánh rằng, những điều kiện thực tế như việc chăm sóc sức khỏe, tiếp cận dịch vụ y tế, khả năng làm việc của bản thân còn chưa đáp ứng với mong muốn cá nhân. Đây cũng là những áp lực mới trong đời sống cá nhân người dân nông thôn, gắn với quá trình chuyển dịch kinh tế - xã hội, nơi áp lực cạnh tranh lao động và yêu cầu kỹ năng ngày càng gia tăng.

Chỉ báo thời gian nghỉ ngơi - cân bằng cuộc sống cũng có GAP đáng kể (0,25), cho thấy người dân cảm nhận rõ sự thiếu hụt về thời gian nghỉ ngơi. Tình trạng thiếu thời gian cho bản thân là xu hướng mới trong đời sống nông thôn, phản ánh những thay đổi xã hội nhanh chóng và áp lực công việc ngày càng lớn. Chỉ báo tinh thần, dù có mức độ hài lòng cao (4,04 điểm), vẫn thuộc nhóm ưu tiên do mức độ quan trọng rất lớn trong cảm nhận hạnh phúc của người dân.

Ở chiều ngược lại, các chỉ báo như mục tiêu phấn đấu, niềm tin và thành công trong cuộc sống nằm trong nhóm đáp ứng vượt kỳ vọng, với GAP âm lớn. Đây là những yếu tố mang tính lý tưởng hóa và ít đóng vai trò quyết định trong hạnh phúc

Nhìn chung, nhóm “quan hệ gia đình - xã hội” phản ánh những nền tảng văn hoá - xã hội tương đối ổn định của đời sống nông thôn tỉnh Thái Nguyên, đóng vai trò điểm tựa tinh thần quan trọng trong bối cảnh xây dựng NTM, nhưng vẫn có dấu hiệu nhấn mạnh nhu cầu tăng cường an ninh - an toàn trong thời gian tới.

3.1.3. Nhóm chỉ báo về đời sống cá nhân

Nhóm “đời sống cá nhân” thể hiện rõ nhất những khác biệt giữa kỳ vọng và mức độ đáp ứng của người dân.

trước mắt của người dân nông thôn; mức hài lòng cao hơn so với mức quan trọng cho thấy các giá trị tinh thần này đang được cảm nhận tương đối ổn định, nhưng không phải là trọng tâm của nhu cầu hiện tại.

Nhìn chung, nhóm “đời sống cá nhân” là nhóm có mức độ “khoảng trống thụ hưởng” lớn nhất trong ba nhóm phân tích, nhấn mạnh rằng các chính sách nói chung và xây dựng NTM nói riêng cần quan tâm mạnh hơn đến sức khỏe, năng lực thích ứng, kỹ năng sinh kế và chất lượng cuộc sống cá nhân của người dân ở cộng đồng thôn, bản.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Khoảng cách giữa đánh giá theo tiêu chí và cảm nhận thụ hưởng thực tế

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi tiếp cận xây dựng NTM ở cấp thôn, bản từ góc nhìn phúc lợi chủ quan, cấu trúc ưu tiên của người dân có sự khác biệt đáng kể so với cách đánh giá dựa thuần túy vào mức độ hoàn thành các tiêu chí NTM. Các khoảng trống thụ hưởng lớn tập trung chủ yếu vào sinh kế, công việc, nhà ở, hạ tầng thiết yếu, sức khỏe, năng lực cá nhân và cân bằng thời gian sống - làm việc. Đây đều là những lĩnh vực có ý nghĩa trực tiếp đối với chất lượng sống hàng ngày của

người dân nhưng lại chưa được phản ánh đầy đủ trong hệ thống tiêu chí NTM hiện hành.

Thực tế triển khai Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (tính đến hết tháng 6/2025) cho thấy, trên phạm vi cả nước, nhiều tiêu chí liên quan đến các lĩnh vực trên đều có tỷ lệ xã đạt chuẩn cao (trên 80%), như: thu nhập (81%), lao động (93,2%), tổ chức sản xuất (88,3%), nhà ở (88,4%), giao thông (87,5%), y tế (92,9%) và giáo dục (95,6%) [2]. Tại tỉnh Thái Nguyên, tỷ lệ xã đạt các tiêu chí nêu trên thậm chí còn cao hơn nữa, với 97,5% số xã đạt tất cả các tiêu chí [14]. Tuy nhiên, phân tích từ góc nhìn người dân lại cho thấy một khoảng cách nhất định giữa việc đạt tiêu chí và cảm nhận thụ hưởng trong thực tế. Ví dụ, dù tiêu chí “lao động” có tỷ lệ đạt chuẩn rất cao, vấn đề công việc và sinh kế vẫn là nội dung người dân chưa thực sự hài lòng. Nói cách khác, thước đo của tiêu chí này (chủ yếu dựa trên tỷ lệ lao động được đào tạo và có bằng cấp) mới chỉ phản ánh một khía cạnh đầu vào của nguồn nhân lực, mà chưa đánh giá được chất lượng việc làm và mức độ thụ hưởng thực tế từ công việc đó.

Kết quả này tương đồng với nhận định của Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2021) [6] khi cho rằng, nhiều tiêu chí NTM phản ánh tốt kết quả đầu tư hạ tầng nhưng chưa phản ánh đầy đủ chất lượng thụ hưởng và tính bền vững xã hội ở cấp cộng đồng. Tương tự, nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Mai (2021) [8] cũng chỉ ra rằng, ở cấp thôn, bản, các yếu tố như sinh kế bền vững, nội lực cộng đồng và cảm nhận hạnh phúc của người dân có ý nghĩa quyết định hơn so với việc hoàn thành các chỉ tiêu hình thức. Điều này cũng cổ thêm cho hướng tiếp cận sử dụng phúc lợi chủ quan như một thước đo bổ sung trong đánh giá xây dựng NTM.

3.2.2. Hàm ý từ lý thuyết phúc lợi chủ quan trong đánh giá xây dựng NTM

Phát hiện của nghiên cứu củng cố cho luận điểm của lý thuyết phúc lợi chủ quan: Các điều kiện vật chất khách quan không tự động dẫn đến cảm nhận hạnh phúc nếu chúng không đáp ứng đúng nhu cầu và kỳ vọng của chủ thể. Trong bối cảnh nghiên cứu tại tỉnh Thái Nguyên, mặc dù Phú Bình là huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và Đại Từ là huyện đạt chuẩn NTM, người dân tại các địa bàn này vẫn dành mức độ ưu tiên rất cao cho các vấn đề liên quan đến công việc, thu nhập,

nhà ở, sức khỏe và cân bằng thời gian sống - làm việc. Các chỉ báo này đồng thời cũng có mức GAP lớn, cho thấy mức độ hài lòng chưa tương xứng với kỳ vọng. Trong khi đó, nhóm gia đình - xã hội lại có mức hài lòng cao và ổn định hơn, dù không phải là nhóm được đầu tư nhiều nhất theo logic tiêu chí NTM. Điều này có nghĩa là việc một địa phương “đạt chuẩn” theo bộ tiêu chí chưa hẳn đã đồng nghĩa với việc chất lượng sống của người dân tại đó được cải thiện một cách thực chất ở tất cả các khía cạnh.

Do đó, việc bổ sung các thước đo dựa trên cảm nhận và mức độ hài lòng của người dân vào công tác đánh giá sẽ giúp phản ánh toàn diện và sâu sắc hơn tính hiệu quả thực tế của chương trình. Đồng thời, đây sẽ là cơ sở quan trọng để điều chỉnh cách tiếp cận triển khai, hướng tới việc đáp ứng sát hơn nhu cầu thực tế của cộng đồng.

3.2.3. Gia đình - xã hội, an ninh cộng đồng và vai trò then chốt của thôn, bản

Kết quả nghiên cứu tại tỉnh Thái Nguyên cho thấy, nhóm chỉ báo gia đình - xã hội vẫn tiếp tục đóng vai trò là nền tảng vững chắc cho cảm nhận hạnh phúc của người dân nông thôn. Các yếu tố như quan hệ gia đình, con cháu, họ hàng và láng giềng được đánh giá hài lòng cao, khẳng định sức sống bền vững của các giá trị văn hóa - xã hội truyền thống. Tuy nhiên, trong sự ổn định ấy, chỉ báo an ninh - an toàn xã hội lại nổi lên như một mối quan tâm hàng đầu, phản ánh nhu cầu ngày càng rõ rệt về một môi trường sống an toàn và có thể dự báo.

Trong bối cảnh nông thôn có sự giao thoa mạnh hơn với các dòng di cư lao động, hoạt động kinh tế thị trường và không gian số, những rủi ro mới như tín dụng đen, lừa đảo qua mạng hay các hành vi vi phạm trật tự xã hội ngày càng được người dân nhận diện rõ hơn. Đồng thời, quá trình sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã trong thời gian qua khiến quy mô xã ngày càng mở rộng, khoảng cách giữa chính quyền xã và người dân có xu hướng gia tăng, qua đó làm nổi bật hơn vai trò của thôn như cấp độ gần dân nhất trong quản trị xã hội ở nông thôn.

3.2.4. Đời sống cá nhân, phát triển con người và định hướng chính sách

Đối với nhóm đời sống cá nhân, các khoảng trống thụ hưởng liên quan đến sức khỏe, năng lực

và thời gian nghỉ ngơi phản ánh những áp lực mới trong đời sống người dân nông thôn, gắn với quá trình chuyển dịch kinh tế và yêu cầu thích ứng ngày càng cao. Những kết quả này cho thấy xây dựng NTM cần được nhìn nhận không chỉ như một quá trình đầu tư hạ tầng hay tổ chức sản xuất, mà còn là quá trình nâng cao năng lực con người ở cấp cộng đồng.

Từ góc độ chính sách, các phát hiện của nghiên cứu gợi mở sự cần thiết phải chuyển trọng tâm xây dựng NTM ở cấp thôn, bản từ “hoàn thành tiêu chí” sang “nâng cao hạnh phúc thực chất của người dân”. Việc tích hợp các chỉ số phúc lợi chủ quan vào đánh giá và giám sát chương trình có thể hỗ trợ nhận diện tốt hơn các khoảng trống thụ hưởng, qua đó góp phần điều chỉnh ưu tiên can thiệp phù hợp với nhu cầu thực tế của cộng đồng nông thôn.

4. KẾT LUẬN

Quá trình xây dựng NTM cấp thôn, bản không chỉ cần được đánh giá qua mức độ hoàn thành các tiêu chí kỹ thuật mà còn phải xem xét từ mức độ thụ hưởng thực chất và cảm nhận hạnh phúc của người dân. Thông qua phân tích mối quan hệ giữa mức độ quan trọng (I) và mức độ hài lòng (S), nghiên cứu đã nhận diện các khoảng trống thụ hưởng là những lĩnh vực người dân kỳ vọng cao nhưng mức độ đáp ứng còn thấp, qua đó phản ánh chất lượng và tính bền vững của kết quả xây dựng NTM.

Các khoảng trống thụ hưởng lớn tập trung chủ yếu vào những lĩnh vực gắn trực tiếp với sinh kế và chất lượng sống cá nhân như công việc - thu nhập, nhà ở, hạ tầng thiết yếu, sức khỏe, năng lực và thời gian. Đáng chú ý, ngay tại huyện Phú Bình và Đại Từ là những huyện đã đạt chuẩn và có 100% số xã đạt chuẩn NTM, các khoảng trống thụ hưởng về sinh kế, việc làm và chất lượng sống cá nhân vẫn được người dân đánh giá ở mức ưu tiên cao. Điều đó cho thấy việc đạt chuẩn NTM chưa đồng nghĩa hoàn toàn với cảm nhận thụ hưởng tương xứng của người dân. Trong khi đó, nhóm gia đình - xã hội và đời sống tinh thần có mức độ hài lòng tương đối ổn định, còn chỉ báo an ninh - an toàn xã hội ngày càng được coi trọng trong bối cảnh nông thôn chuyển biến mạnh.

Từ các phát hiện trên, nghiên cứu gợi mở ba hàm ý chính: (i) cần chú trọng hơn đến các yếu tố

tạo nên hạnh phúc thực chất của người dân, thay vì chỉ tập trung vào việc hoàn thành các tiêu chí kỹ thuật; (ii) yêu cầu bảo đảm an ninh - an toàn xã hội cần được xem xét như một nội dung ngày càng quan trọng trong xây dựng NTM; (iii) cần bổ sung các thước đo dựa trên cảm nhận và mức độ hài lòng trong đánh giá kết quả xây dựng NTM ở cấp thôn, bản.

Bên cạnh những đóng góp về phương pháp và kết quả, nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế. Phương pháp Quan trọng - Hài lòng cho phép nhận diện khoảng trống thụ hưởng nhưng chưa phân tích được nguyên nhân tạo ra khoảng trống này theo quan hệ nhân quả. Dữ liệu thu thập tại một thời điểm nên không phản ánh được sự biến động theo thời gian. Nghiên cứu chưa so sánh sự khác biệt giữa ba địa bàn (huyện Phú Bình, Đại Từ, Võ Nhai) cũng như chưa phân tích riêng theo nhóm tuổi, giới tính, dân tộc hoặc nghề nghiệp - những yếu tố có thể ảnh hưởng tới cảm nhận hạnh phúc. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi không gian, thời gian, kết hợp phương pháp định tính và định lượng để làm rõ hơn mối quan hệ giữa xây dựng NTM và hạnh phúc của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020*.
- [2]. Nguyễn Ngọc Luân, Hồ Văn Bắc & Hà Quang Trung (2025). Tổng quan một số vấn đề lý luận về xây dựng NTM cấp thôn, bản. *Tạp Chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 23(12), 1661-1671. <https://doi.org/10.31817/tckhnnvn.2025.23.12.10>.
- [3]. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). *Báo cáo tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM ngày 22/6/2025*.
- [4]. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, Đào Đức Huân & Nguyễn Ngọc Luân (2019). Cơ sở lý luận, thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam. *Tạp chí Công nghiệp nông thôn*, 34, 17 - 28.
- [5]. Trần Công Thắng & Nguyễn Ngọc Luân (2025). *Xây dựng Bộ tiêu chí NTM giai đoạn*

2026-2030: Một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới. *Tạp chí Môi trường*, 8, 27 - 31.

[6]. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2021). Đề xuất định hướng giải pháp xây dựng NTM giai đoạn 2021-2030 theo các mục tiêu phát triển bền vững. Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020.

[7]. Nguyễn Ngọc Luân (2022). Tiếp cận xây dựng NTM cấp thôn, bản ở vùng đặc biệt khó khăn nhằm khơi dậy nội lực cộng đồng, phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. *Sách: Thực hiện Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn* (tr 335-349). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nxb Khoa học Kỹ thuật.

[8]. Nguyễn Thị Ngọc Mai (2021). Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025. Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020.

[9]. Nguyễn Ngọc Luân (2025). Xây dựng NTM: Thành tựu và định hướng đến năm 2035. *Tạp chí Môi trường*, 8, 16-21.

10. Diener, E. (1984). Subjective well-being. *Psychological Bulletin*, 95(3), 542 - 575.

11. OECD (2013). OECD Guidelines on Measuring Subjective Well-being. *OECD Publishing*.

12. Lê Ngọc Văn (2019). *Hạnh phúc của người Việt Nam - Khái niệm, cách tiếp cận và chỉ số đánh giá*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Martilla, J. A. & James, J. C. (1977). Importance-Performance Analysis. *Journal of Marketing*, 41(1), 77 - 79. <https://www.jstor.org/stable/1250495>.

14. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2025). *Báo cáo số 114/BC-UBND ngày 11/6/2025 báo cáo Tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thái Nguyên*.

ANALYZING WELFARE GAPS IN NEW RURAL DEVELOPMENT AT THE VILLAGE LEVEL: AN APPLICATION OF HAPPINESS THEORY AND THE SUBJECTIVE WELL-BEING APPROACH

Nguyen Ngoc Luan¹, Ho Van Bac², Ha Quang Trung²

¹*Institute of Strategy and Policy on Agriculture and Environment*

²*Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry*

Abstract

This study analyzes the welfare gaps in new rural development at the village level from the perspective of subjective well-being and residents' happiness, thereby complementing the traditional quantitative criteria-based approach. Grounded in subjective well-being theory, the study employs a happiness measurement framework adapted to the Vietnamese context, encompassing three groups of indicators: (i) economic and material conditions, (ii) family and social relationships and (iii) personal life and individual well-being. Primary data were collected from 405 households in Thai Nguyen province. An Importance-Satisfaction analysis was applied to identify the factors most highly valued by local residents and to reveal "welfare gaps" in the process of new rural development. The results indicate that most significant gaps are concentrated in the economic-material group (employment, housing, infrastructure) and the personal life group (health, personal capabilities, time), whereas family and social factors are generally perceived as stable and associated with high levels of satisfaction. The findings imply that new rural development at the village level requires practical solutions aimed at directly improving residents' quality of life, placing people at the center and using their satisfaction and happiness as the key measure for substantive and sustainable development.

Keywords: *Happiness index, new rural development, subjective well-being, village level, welfare gaps.*

Ngày nhận bài: 02/3/2026

Ngày chuyển phản biện: 9/4/2026

Ngày thông qua phản biện: 24/4/2026

Ngày duyệt đăng: 7/5/2026